TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH H** Số: 04/2023/QĐST-VDS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *K, ngày 18 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH H

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đặng Đức Huấn.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh H tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 06/2023/TLST-VHNGĐ 14/7/2023 về "yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2023/QĐST-DS ngày 04/8/2023 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐST-VDS ngày 14/9/2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu*: Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1950. Địa chỉ: Khu dân cư N, phường L, thị xã K, tỉnh H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1995.

2. Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1971.

Đều có địa chỉ: Khu dân cư N, phường L, thị xã K, tỉnh H.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Theo đơn yêu cầu và quá trình giải quyết việc dân sự, bà Nguyễn Thị C1 trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân C2 có quan hệ là vợ chồng. Ông C2 đã mất vào ngày 10/5/2016. Vợ chồng bà sinh được 02 người con là Nguyễn Thị M1, sinh năm 1978 và Nguyễn Văn H2, sinh năm 1982.

Ông Nguyễn Văn V1 có quan hệ là em ruột của ông Nguyễn Xuân C2. Ông Nguyễn Văn V1 và bà Nguyễn Thị Đ1 có quan hệ là vợ chồng. Anh Nguyễn Văn H1 là con đẻ của ông V1, bà Đ1.

Do điều kiện kinh tế gia đình ông V1, bà Đ1 hạn hẹp; vợ chồng bà có điều kiện kinh tế nuôi dưỡng cháu Hưng tốt hơn nên vợ chồng bà có đặt vấn đề nhận anh Nguyễn Văn H1 làm con nuôi với vợ chồng ông V1, bà Đ1. Vào năm 2008,

trên cơ sở đồng ý của vợ chồng ông V1, bà Đ1, hai bên gia đình và anh H1 đã đến UBND xã L - Nay là phường L, thị xã K, tỉnh H làm thủ tục nhận con nuôi theo quy định của pháp luật. Theo Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 38/QĐ-UBND ngày 12/5/2008, UBND xã L đã công nhận quan hệ cha, mẹ nuôi giữa vợ chồng bà với anh Nguyễn Văn H1.

Nay bà xác định anh Nguyễn Văn H1 đã trưởng, đang làm điều dưỡng tại Trung tâm y tế thị xã K, chồng bà cũng đã mất vào ngày 10/5/2016 nên bà yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi với anh Nguyễn Văn H1. Trong trường hợp chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quyết định của Tòa án thì quyền, nghĩa vụ của cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 25/7/2023 với UBND phường L, thị xã K, xác định: Anh Nguyễn Văn H1 sinh ngày 27/02/1995 có quan hệ là con đẻ của ông Nguyễn Văn V1 và bà Nguyễn Thị Đ1. Ông Nguyễn Văn V1 là em ruột của ông Nguyễn Xuân C2, sinh năm 1947 (Chết năm 2016). Trên cơ sở sự thỏa thuận về việc nhận nuôi con nuôi giữa vợ chồng Ông C2, bà Chúc và vợ chồng ông V1, bà Đ1, ngày 12/5/2008, UBND xã-Nay là phường L, thị xã K đã ra quyết định số 38, công nhận việc nuôi con nuôi giữa vợ chồng Ông C2, bà Chúc là cha, mẹ nuôi của anh H1. Cùng ngày, UBND xã L cấp Giấy khai sinh số 33, Quyển số 01/2008, xác định anh Nguyễn Văn H1 có họ tên cha là Nguyễn Xuân C2, họ tên mẹ là Nguyễn Thị C1 và tiến hành thu hồi bản chính Giấy khai sinh trước đây của anh H1. Quá trình nhận nuôi con nuôi giữa vợ chồng Ông C2, bà Chúc với vợ chồng ông V1, bà Đ1 không xảy ra tranh chấp hay va chạm gì.

- Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Nguyễn Văn H1 và vợ chồng ông Nguyễn Văn V1, bà Nguyễn Thị Đ1 vắng mặt.

Tại phiên họp:

- Người yêu cầu giữ nguyên quan điểm, yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi với anh Nguyễn Văn H1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi, Tòa án nhân dân thị xã K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các điều 8, 9, 14, 21, 22; khoản 1 Điều 25 và Điều 27 Luật nuôi con nuôi năm 2010; Điều 78 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C1 về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã K nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị C1 có đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi, đây là yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị C1 và anh Nguyễn Văn H1 đều cư trú tại phường L, thị xã K, tỉnh H nên yêu cầu của bà Nguyễn Thị C1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm l khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại các điều 175, 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung yêu cầu: Ngày 12/5/2008, trên cơ sở đảm bảo điều kiện nuôi con tốt hơn và sự thỏa thuận của vợ chồng Ông C2, bà Chúc và vợ chồng ông V1, bà Đ1 về việc nhận nuôi con nuôi đối với anh Nguyễn Văn H1, sinh ngày 27/02/1995, UBND xã-Nay là phường L, thị xã K đã ra quyết định số 38/QĐ-UBND công nhận việc nuôi con nuôi giữa vợ chồng Ông C2, bà Chúc là cha, mẹ nuôi của anh H1. Cùng ngày, UBND xã L cấp Giấy khai sinh số 33, Quyển số 01/2008, xác định anh Nguyễn Văn H1 có họ tên cha là Nguyễn Xuân C2, họ tên mẹ là Nguyễn Thị C1 và tiến hành thu hồi bản chính Giấy khai sinh trước đây của anh H1. Như vậy, trình tự, thủ tục việc nhận nuôi và đăng ký nuôi con nuôi giữa các đương sự là phù hợp với quy định tại các điều 8, 9, 14, 21, 22 Luật nuôi con nuôi năm 2010. Hiện nay anh H1 đã trưởng thành, đang làm điều dưỡng tại Trung tâm y tế thị xã K nên bà Nguyễn Thị C1 yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi. Căn cứ khoản 1 Điều 25 Luật nuôi con nuôi năm 2020 thì yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của người yêu cầu là phù hợp nên được chấp nhận.

[4]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Theo Điều 2 Luật người cao tuổi, bà Nguyễn Thị C1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn lệ phí nên được miễn lệ phí theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm l khoản 2 Điều 39, Điều 367, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 8, 9, 14, 21, 22; khoản 1 Điều 25 và Điều 27 Luật nuôi con nuôi năm 2010; Điều 78 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ, khoản

1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C1. Chấm dứt quan hệ nuôi con nuôi giữa bà Nguyễn Thị C1 với anh Nguyễn Văn H1.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật thì quyền, nghĩa vụ của mẹ nuôi là bà Nguyễn Thị C1 với con nuôi là anh Nguyễn Văn H1 chấm dứt. Quyền, nghĩa vụ giữa cha đẻ, mẹ đẻ và con đẻ được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự cho bà Nguyễn Thị C1.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Trường hợp đương sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Đức Huấn